

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN

Bình Dương, ngày tháng năm 2025.

V/v đăng ký thay đổi thông tin giao dịch
bảo đảm của Công ty TNHH Đầu tư và
Phát triển Sài Gòn Center

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Văn bản số 370/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 01/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Nay, Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển thông tin về việc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Center đề nghị đăng ký thay đổi để thay đổi thông tin đã được kê khai trên phiếu yêu cầu đăng ký ngày 13/11/2024 và đã được Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận để Sở Nông nghiệp và Môi trường đăng trên Website của Sở (có danh sách kèm theo).

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Chiến Thắng

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐÃ ĐƯỢC KÊ KHAI TRÊN PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
(Đính kèm Công văn số/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày tháng năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương)

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THỂ CHẤP									THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THỂ CHẤP
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG	THÀNH PHỐ	
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Center (Dự án Khu nhà ở Sài Gòn Center)	2057	40	178,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327690	VP51	20/01/2025	Uyên Hưng	Tân Uyên	14/11/2024
2		2056	40	90,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327691	VP50	20/01/2025			
3		2055	40	90,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327692	VP49	20/01/2025			
4		2054	40	90,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327693	VP48	20/01/2025			
5		2053	40	90,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327694	VP47	20/01/2025			
6		2052	40	90,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327695	VP54	20/01/2025			
7		2051	40	90,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327696	VP53	20/01/2025			
8		2050	40	127,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327697	VP52	20/01/2025			
9		2049	40	115,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327698	VP56	20/01/2025			
10		2048	40	233,9	Đất ở tại đô thị	AA 00327699	VP55	20/01/2025			
11		2047	40	91,4	Đất ở tại đô thị	AA 00327700	VP64	20/01/2025			
12		2046	40	90,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327701	VP63	20/01/2025			
13		2045	40	89,6	Đất ở tại đô thị	AA 00327702	VP57	20/01/2025			
14		2044	40	88,7	Đất ở tại đô thị	AA 00327703	VP58	20/01/2025			
15		2043	40	87,8	Đất ở tại đô thị	AA 00327704	VP59	20/01/2025			
16		2042	40	86,9	Đất ở tại đô thị	AA 00327705	VP60	20/01/2025			
17		2041	40	86,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327706	VP61	20/01/2025			
18		2040	40	85,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327707	VP62	20/01/2025			
19		2039	40	171,4	Đất ở tại đô thị	AA 00327689	VP66	20/01/2025			
20		2038	40	143,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327709	VP65	20/01/2025			
21		2037	40	65,0	Đất ở tại đô thị	AA 00327710	VP72	20/01/2025			
22		2036	40	70,4	Đất ở tại đô thị	AA 00327711	VP71	20/01/2025			
23		2035	40	75,9	Đất ở tại đô thị	AA 00327712	VP70	20/01/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
24		2034	40	81,3	Đất ở tại đô thị	AA 00327713	VP69	20/01/2025			
25		2033	40	86,8	Đất ở tại đô thị	AA 00327714	VP68	20/01/2025			
26		2032	40	132,4	Đất ở tại đô thị	AA 00327715	VP67	20/01/2025			
27		1851	40	87,3	Đất ở tại đô thị	AA 00327716	VP73	20/01/2025			
28		1852	40	98	Đất ở tại đô thị	AA 00327717	VP74	20/01/2025			
29		1853	40	108,6	Đất ở tại đô thị	AA 00327718	VP75	20/01/2025			
30		1854	40	118,20	Đất ở tại đô thị	AA 00327719	VP76	20/01/2025			
31		1855	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327720	VP77	20/01/2025			
32		1856	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327721	VP78	20/01/2025			
33		1857	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327722	VP79	20/01/2025			
34		1858	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327723	VP80	20/01/2025			
35		1859	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327724	VP81	20/01/2025			
36		1860	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327725	VP82	20/01/2025			
37		1861	40	150,4	Đất ở tại đô thị	AA 00327726	VP83	20/01/2025			
38		1862	40	152,2	Đất ở tại đô thị	AA 00327727	VP84	20/01/2025			
39		1863	40	110,3	Đất ở tại đô thị	AA 00327728	VP85	20/01/2025			
40		1864	40	114,60	Đất ở tại đô thị	AA 00327729	VP86	20/01/2025			
41		1865	40	127,00	Đất ở tại đô thị	AA 00327730	VP87	20/01/2025			
42		1866	40	147,40	Đất ở tại đô thị	AA 00327731	VP88	20/01/2025			
43		1867	40	198,3	Đất ở tại đô thị	AA 00327732	VP95	20/01/2025			
44		1868	40	137,50	Đất ở tại đô thị	AA 00327733	VP94	20/01/2025			
45		1869	40	137,50	Đất ở tại đô thị	AA 00327734	VP93	20/01/2025			
46		1870	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327735	VP92	20/01/2025			
47		1871	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327736	VP91	20/01/2025			
48		1872	40	120	Đất ở tại đô thị	AA 00327737	VP90	20/01/2025			
49		1873	40	166	Đất ở tại đô thị	AA 00327738	VP89	20/01/2025			
50		1905	40	217,6	Đất ở tại đô thị	AA 00327739	VP128	20/01/2025			
51		1904	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327740	VP127	20/01/2025			
52		1903	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327741	VP126	20/01/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
53		1902	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327742	VP125	20/01/2025			
54		1901	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327743	VP124	20/01/2025			
55		1900	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327744	VP123	20/01/2025			
56		1899	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327745	VP122	20/01/2025			
57		1898	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327746	VP121	20/01/2025			
58		1897	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327747	VP120	20/01/2025			
59		1896	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327748	VP118	20/01/2025			
60		1895	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327749	VP117	20/01/2025			
61		1894	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327750	VP116	20/01/2025			
62		1893	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327751	VP115	20/01/2025			
63		1892	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327752	VP114	20/01/2025			
64		1891	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327753	VP113	20/01/2025			
65		1890	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327754	VP112	20/01/2025			
66		1889	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327755	VP111	20/01/2025			
67		1888	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327756	VP110	20/01/2025			
68		1887	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327757	VP109	20/01/2025			
69		1886	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327758	VP108	20/01/2025			
70		1885	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327759	VP107	20/01/2025			
71		1884	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327760	VP106	20/01/2025			
72		1883	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327761	VP105	20/01/2025			
73		1882	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327762	VP104	20/01/2025			
74		1881	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327763	VP103	20/01/2025			
75		1880	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327764	VP102	20/01/2025			
76		1879	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327765	VP101	20/01/2025			
77		1878	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327766	VP100	20/01/2025			
78		1877	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327767	VP99	20/01/2025			
79		1876	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327768	VP98	20/01/2025			
80		1875	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327769	VP97	20/01/2025			
81		1874	40	134,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327770	VP96	20/01/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
82		1906	40	134,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327771	VP129	20/01/2025			
83		1907	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327772	VP130	20/01/2025			
84		1908	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327773	VP131	20/01/2025			
85		1909	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327774	VP132	20/01/2025			
86		1910	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327775	VP133	20/01/2025			
87		1911	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327776	VP134	20/01/2025			
88		1912	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327777	VP135	20/01/2025			
89		1913	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327778	VP136	20/01/2025			
90		1914	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327779	VP137	20/01/2025			
91		1915	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327780	VP138	20/01/2025			
92		1916	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327781	VP139	20/01/2025			
93		1917	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327782	VP140	20/01/2025			
94		1918	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327783	VP141	20/01/2025			
95		1919	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327784	VP142	20/01/2025			
96		1920	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327785	VP143	20/01/2025			
97		1921	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327786	VP144	20/01/2025			
98		1922	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327787	VP145	20/01/2025			
99		1923	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327788	VP146	20/01/2025			
100		1924	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327789	VP147	20/01/2025			
101		1925	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327790	VP148	20/01/2025			
102		1926	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327791	VP149	20/01/2025			
103		1927	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327792	VP150	20/01/2025			
104		1928	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327793	VP151	20/01/2025			
105		1929	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327794	VP152	20/01/2025			
106		1930	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327795	VP153	20/01/2025			
107		1931	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327796	VP154	20/01/2025			
108		1932	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327797	VP155	20/01/2025			
109		1933	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327798	VP156	20/01/2025			
110		1934	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327799	VP157	20/01/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
111		1935	40	219	Đất ở tại đô thị	AA 00327800	VP158	20/01/2025			
112		1992	40	144,3	Đất ở tại đô thị	AA 00785501	VP907	19/02/2025			
113		1991	40	97,6	Đất ở tại đô thị	AA 00785502	VP908	19/02/2025			
114		1990	40	94,6	Đất ở tại đô thị	AA 00785503	VP909	19/02/2025			
115		1989	40	91,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785504	VP910	19/02/2025			
116		1988	40	88,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785505	VP911	19/02/2025			
117		1987	40	85,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785506	VP912	19/02/2025			
118		1986	40	114,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785507	VP913	19/02/2025			
119		1985	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785508	VP914	19/02/2025			
120		1984	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785509	VP915	19/02/2025			
121		1983	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785510	VP916	19/02/2025			
122		1982	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785511	VP917	19/02/2025			
123		1981	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785512	VP918	19/02/2025			
124		1980	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785513	VP919	19/02/2025			
125		1979	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785514	VP920	19/02/2025			
126		1978	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785515	VP921	19/02/2025			
127		1977	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785516	VP922	19/02/2025			
128		1976	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785517	VP923	19/02/2025			
129		1975	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785518	VP924	19/02/2025			
130		1974	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785519	VP925	19/02/2025			
131		1973	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785593	VP926	19/02/2025			
132		1972	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785592	VP927	19/02/2025			
133		1971	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785591	VP928	19/02/2025			
134		1970	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785590	VP929	19/02/2025			
135		1969	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785589	VP930	19/02/2025			
136		1968	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785588	VP931	19/02/2025			
137		1967	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785587	VP932	19/02/2025			
138		1966	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785586	VP933	19/02/2025			
139		1965	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785585	VP934	19/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
140		1964	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785584	VP935	19/02/2025			
141		1963	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785583	VP936	19/02/2025			
142		1962	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785582	VP937	19/02/2025			
143		1961	40	134,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785581	VP938	19/02/2025			
144		1936	40	134,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785596	VP939	19/02/2025			
145		1937	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785579	VP940	19/02/2025			
146		1938	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785578	VP941	19/02/2025			
147		1939	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785577	VP942	19/02/2025			
148		1940	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785576	VP943	19/02/2025			
149		1941	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785520	VP944	19/02/2025			
150		1942	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785521	VP945	19/02/2025			
151		1943	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785522	VP946	19/02/2025			
152		1944	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785523	VP947	19/02/2025			
153		1945	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785524	VP948	19/02/2025			
154		1946	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785525	VP949	19/02/2025			
155		1947	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785526	VP950	19/02/2025			
156		1948	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785527	VP951	19/02/2025			
157		1949	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785528	VP952	19/02/2025			
158		1950	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785529	VP953	19/02/2025			
159		1951	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785530	VP954	19/02/2025			
160		1952	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785531	VP955	19/02/2025			
161		1953	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785532	VP956	19/02/2025			
162		1954	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785533	VP957	19/02/2025			
163		1955	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785534	VP958	19/02/2025			
164		1956	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785535	VP959	19/02/2025			
165		1957	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785536	VP960	19/02/2025			
166		1958	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785537	VP961	19/02/2025			
167		1959	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785538	VP962	19/02/2025			
168		1960	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785539	VP963	19/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
169		2024	40	150,4	Đất ở tại đô thị	AA 00785540	VP964	19/02/2025			
170		2023	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785541	VP965	19/02/2025			
171		2022	40	92	Đất ở tại đô thị	AA 00785542	VP966	19/02/2025			
172		2021	40	88,9	Đất ở tại đô thị	AA 00785543	VP967	19/02/2025			
173		2020	40	85,9	Đất ở tại đô thị	AA 00785544	VP968	19/02/2025			
174		2019	40	123,1	Đất ở tại đô thị	AA 00785545	VP969	19/02/2025			
175		2018	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785546	VP970	19/02/2025			
176		2017	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785547	VP971	19/02/2025			
177		2016	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785548	VP972	19/02/2025			
178		2403	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785595	VP1002	19/02/2025			
179		2014	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785549	VP974	19/02/2025			
180		2013	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785550	VP975	19/02/2025			
181		2012	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785551	VP976	19/02/2025			
182		2011	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785552	VP977	19/02/2025			
183		2010	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785553	VP978	19/02/2025			
184		2009	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785554	VP979	19/02/2025			
185		2008	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785555	VP980	19/02/2025			
186		2007	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785556	VP981	19/02/2025			
187		2006	40	136,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785557	VP982	19/02/2025			
188		1993	40	136,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785558	VP983	19/02/2025			
189		1994	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785559	VP984	19/02/2025			
190		1995	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785560	VP985	19/02/2025			
191		1996	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785561	VP986	19/02/2025			
192		1997	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785562	VP987	19/02/2025			
193		1998	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785563	VP988	19/02/2025			
194		1999	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785564	VP989	19/02/2025			
195		2000	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785565	VP990	19/02/2025			
196		2404	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785594	VP991	19/02/2025			
197		2002	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785566	VP992	19/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
198		2003	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785567	VP993	19/02/2025			
199		2004	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785568	VP994	19/02/2025			
200		2005	40	85	Đất ở tại đô thị	AA 00785569	VP995	19/02/2025			
201		2030	40	110,1	Đất ở tại đô thị	AA 00785570	VP996	19/02/2025			
202		2029	40	116	Đất ở tại đô thị	AA 00785571	VP997	19/02/2025			
203		2028	40	122	Đất ở tại đô thị	AA 00785572	VP998	19/02/2025			
204		2027	40	127,9	Đất ở tại đô thị	AA 00785573	VP999	19/02/2025			
205		2026	40	133,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785574	VP1000	19/02/2025			
206		2025	40	104,3	Đất ở tại đô thị	AA 00785575	VP1001	19/02/2025			
207		1826	40	131,3	Đất ở tại đô thị	AA 00785200	VP560	19/02/2025			
208		1825	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785199	VP561	19/02/2025			
209		1824	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785198	VP562	19/02/2025			
210		1823	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785197	VP563	19/02/2025			
211		1822	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785196	VP564	19/02/2025			
212		1821	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785195	VP565	19/02/2025			
213		1820	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785194	VP566	19/02/2025			
214		1819	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785193	VP567	19/02/2025			
215		1818	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785192	VP568	19/02/2025			
216		1817	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785191	VP569	19/02/2025			
217		1816	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785190	VP570	19/02/2025			
218		1815	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785189	VP571	19/02/2025			
219		1814	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785188	VP572	19/02/2025			
220		1813	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785187	VP573	19/02/2025			
221		1812	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785186	VP574	19/02/2025			
222		1811	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785185	VP575	19/02/2025			
223		1810	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785184	VP576	19/02/2025			
224		1809	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785183	VP577	19/02/2025			
225		1808	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785182	VP659	19/02/2025			
226	1807	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785181	VP578	19/02/2025				

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
227		1806	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785180	VP579	19/02/2025			
228		1805	40	131,3	Đất ở tại đô thị	AA 00785179	VP580	19/02/2025			
229		1804	40	131,3	Đất ở tại đô thị	AA 00785178	VP581	19/02/2025			
230		1803	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785177	VP582	19/02/2025			
231		1802	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785176	VP583	19/02/2025			
232		1801	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785175	VP584	19/02/2025			
233		1800	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785173	VP585	19/02/2025			
234		1799	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785172	VP586	19/02/2025			
235		1798	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785171	VP587	19/02/2025			
236		1797	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785170	VP588	19/02/2025			
237		1796	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785169	VP589	19/02/2025			
238		1795	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785168	VP590	19/02/2025			
239		1794	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785167	VP591	19/02/2025			
240		1793	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785166	VP592	19/02/2025			
241		1792	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785165	VP593	19/02/2025			
242		1791	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785164	VP594	19/02/2025			
243		1790	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785163	VP595	19/02/2025			
244		1789	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785162	VP596	19/02/2025			
245		1788	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785161	VP597	19/02/2025			
246		1787	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785160	VP598	19/02/2025			
247		1786	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785159	VP599	19/02/2025			
248		1785	40	78,8	Đất ở tại đô thị	AA 00785158	VP600	19/02/2025			
249		1784	40	78,7	Đất ở tại đô thị	AA 00785157	VP601	19/02/2025			
250		1783	40	131,3	Đất ở tại đô thị	AA 00785156	VP602	19/02/2025			
251		1850	40	112,7	Đất ở tại đô thị	AA 00327801	VP337	10/02/2025			
252		1849	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327802	VP338	10/02/2025			
253		1848	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327803	VP339	10/02/2025			
254		1847	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327804	VP340	10/02/2025			
255	1846	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327805	VP341	10/02/2025				

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
256		1845	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327806	VP342	10/02/2025			
257		1844	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327807	VP343	10/02/2025			
258		1843	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327808	VP344	10/02/2025			
259		1842	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327809	VP345	10/02/2025			
260		1841	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327810	VP346	10/02/2025			
261		1840	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327811	VP347	10/02/2025			
262		1839	40	153,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327812	VP348	10/02/2025			
263		1838	40	153,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327813	VP349	10/02/2025			
264		1837	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327814	VP350	10/02/2025			
265		1836	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327815	VP351	10/02/2025			
266		1835	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327816	VP352	10/02/2025			
267		1834	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327817	VP353	10/02/2025			
268		1833	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327818	VP354	10/02/2025			
269		1832	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327819	VP355	10/02/2025			
270		1831	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327820	VP356	10/02/2025			
271		1830	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327821	VP357	10/02/2025			
272		1829	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327822	VP358	10/02/2025			
273		1828	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327823	VP359	10/02/2025			
274		1827	40	159,7	Đất ở tại đô thị	AA 00327824	VP360	10/02/2025			
275		1782	40	155,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785155	VP603	19/02/2025			
276		1781	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785154	VP604	19/02/2025			
277		1780	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785153	VP605	19/02/2025			
278		1779	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785152	VP606	19/02/2025			
279		1778	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785151	VP607	19/02/2025			
280		1777	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785150	VP608	19/02/2025			
281		1776	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785149	VP609	19/02/2025			
282		1775	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785148	VP610	19/02/2025			
283		1774	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785147	VP611	19/02/2025			
284	1773	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785146	VP612	19/02/2025				

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
285		1772	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785145	VP613	19/02/2025			
286		1771	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785144	VP614	19/02/2025			
287		1770	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785143	VP615	19/02/2025			
288		1769	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785142	VP616	19/02/2025			
289		1768	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785141	VP617	19/02/2025			
290		1767	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785140	VP618	19/02/2025			
291		1766	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785139	VP619	19/02/2025			
292		1765	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785138	VP620	19/02/2025			
293		1764	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785137	VP621	19/02/2025			
294		1763	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785136	VP622	19/02/2025			
295		1762	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785135	VP623	19/02/2025			
296		1761	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785134	VP624	19/02/2025			
297		1760	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785133	VP625	19/02/2025			
298		1759	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785132	VP626	19/02/2025			
299		1758	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785131	VP627	19/02/2025			
300		1757	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785130	VP628	19/02/2025			
301		1756	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785129	VP629	19/02/2025			
302		1755	40	155,4	Đất ở tại đô thị	AA 00785128	VP630	19/02/2025			
303		1754	40	155,4	Đất ở tại đô thị	AA 00785127	VP631	19/02/2025			
304		1753	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785126	VP632	19/02/2025			
305		1752	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785125	VP633	19/02/2025			
306		1751	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785124	VP634	19/02/2025			
307		1750	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785123	VP635	19/02/2025			
308		1749	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785122	VP636	19/02/2025			
309		1748	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785121	VP637	19/02/2025			
310		1747	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785120	VP638	19/02/2025			
311		1746	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785119	VP639	19/02/2025			
312		1745	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785118	VP640	19/02/2025			
313	1744	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785117	VP641	19/02/2025				

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
314		1743	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785116	VP642	19/02/2025			
315		1742	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785115	VP643	19/02/2025			
316		1741	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785114	VP644	19/02/2025			
317		1740	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785113	VP645	19/02/2025			
318		1739	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785112	VP646	19/02/2025			
319		1738	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785111	VP647	19/02/2025			
320		1737	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785110	VP648	19/02/2025			
321		1736	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785109	VP649	19/02/2025			
322		1735	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785108	VP650	19/02/2025			
323		1734	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785107	VP651	19/02/2025			
324		1733	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785106	VP652	19/02/2025			
325		1732	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785105	VP653	19/02/2025			
326		1731	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785104	VP654	19/02/2025			
327		1730	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785103	VP655	19/02/2025			
328		1729	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785102	VP656	19/02/2025			
329		1728	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785101	VP657	19/02/2025			
330		1727	40	155,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785002	VP658	19/02/2025			
331		1726	40	152	Đất ở tại đô thị	AA 00785100	VP460	19/02/2025			
332		1725	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785099	VP461	19/02/2025			
333		1724	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785098	VP462	19/02/2025			
334		1723	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785097	VP463	19/02/2025			
335		1722	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785096	VP464	19/02/2025			
336		1721	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785095	VP465	19/02/2025			
337		1720	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785094	VP466	19/02/2025			
338		1719	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785093	VP467	19/02/2025			
339		1718	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785092	VP468	19/02/2025			
340		1717	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785091	VP469	19/02/2025			
341		1716	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785090	VP470	19/02/2025			
342		1715	40	144	Đất ở tại đô thị	AA 00785089	VP471	19/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
343		1714	40	144	Đất ở tại đô thị	AA 00785088	VP472	19/02/2025			
344		1713	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785087	VP473	19/02/2025			
345		1712	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785086	VP474	19/02/2025			
346		1711	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785085	VP475	19/02/2025			
347		1710	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785084	VP476	19/02/2025			
348		1709	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785083	VP477	19/02/2025			
349		1708	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785082	VP478	19/02/2025			
350		1707	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785081	VP479	19/02/2025			
351		1706	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785080	VP481	19/02/2025			
352		1705	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785079	VP482	19/02/2025			
353		1704	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785078	VP483	19/02/2025			
354		1703	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785077	VP484	19/02/2025			
355		1702	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00785076	VP485	19/02/2025			
356		1701	40	107,9	Đất ở tại đô thị	AA 00785075	VP486	19/02/2025			
357		1683	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785074	VP487	19/02/2025			
358		1684	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785073	VP488	19/02/2025			
359		1685	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785072	VP489	19/02/2025			
360		1686	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785071	VP491	19/02/2025			
361		1687	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785070	VP492	19/02/2025			
362		1688	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785069	VP493	19/02/2025			
363		1689	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785068	VP494	19/02/2025			
364		1690	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785067	VP495	19/02/2025			
365		1691	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785066	VP496	19/02/2025			
366		1692	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785065	VP497	19/02/2025			
367		1693	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785064	VP498	19/02/2025			
368		1694	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785063	VP499	19/02/2025			
369		1695	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785062	VP500	19/02/2025			
370		1696	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785061	VP501	19/02/2025			
371		1697	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785060	VP502	19/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
372		1698	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785059	VP503	19/02/2025			
373		1699	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785058	VP504	19/02/2025			
374		1700	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00785057	VP505	19/02/2025			
375		1598	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785056	VP506	19/02/2025			
376		1599	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785055	VP507	19/02/2025			
377		1600	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785054	VP508	19/02/2025			
378		1601	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785053	VP509	19/02/2025			
379		1602	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785052	VP510	19/02/2025			
380		1603	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785051	VP511	19/02/2025			
381		1604	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785050	VP512	19/02/2025			
382		1605	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785049	VP513	19/02/2025			
383		1606	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785048	VP514	19/02/2025			
384		1607	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785047	VP515	19/02/2025			
385		1608	40	144	Đất ở tại đô thị	AA 00785046	VP516	19/02/2025			
386		1609	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785045	VP517	19/02/2025			
387		1610	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785044	VP518	19/02/2025			
388		1611	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785043	VP519	19/02/2025			
389		1612	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785042	VP520	19/02/2025			
390		1613	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00785041	VP521	19/02/2025			
391		1651	40	125	Đất ở tại đô thị	AA 00785040	VP522	19/02/2025			
392		1650	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785039	VP523	19/02/2025			
393		1649	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785038	VP524	19/02/2025			
394		1648	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785037	VP525	19/02/2025			
395		1647	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785036	VP526	19/02/2025			
396		1646	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785035	VP527	19/02/2025			
397		1645	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785034	VP528	19/02/2025			
398		1644	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785033	VP529	19/02/2025			
399		1643	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785032	VP530	19/02/2025			
400		1642	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785031	VP531	19/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
401		1641	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785030	VP532	19/02/2025			
402		1640	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785029	VP533	19/02/2025			
403		1639	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785028	VP534	19/02/2025			
404		1638	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785027	VP535	19/02/2025			
405		1637	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785026	VP536	19/02/2025			
406		1636	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785025	VP537	19/02/2025			
407		1635	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785024	VP538	19/02/2025			
408		1634	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785023	VP539	19/02/2025			
409		1633	40	125	Đất ở tại đô thị	AA 00785022	VP540	19/02/2025			
410		1632	40	125	Đất ở tại đô thị	AA 00785021	VP541	19/02/2025			
411		1631	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785020	VP542	19/02/2025			
412		1630	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785019	VP543	19/02/2025			
413		1629	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785018	VP544	19/02/2025			
414		1628	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785017	VP545	19/02/2025			
415		1627	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785016	VP546	19/02/2025			
416		1626	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785015	VP547	19/02/2025			
417		1625	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785014	VP548	19/02/2025			
418		1624	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785013	VP549	19/02/2025			
419		1623	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785012	VP550	19/02/2025			
420		1622	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785011	VP551	19/02/2025			
421		1621	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785010	VP552	19/02/2025			
422		1620	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785009	VP553	19/02/2025			
423		1619	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785008	VP554	19/02/2025			
424		1618	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785007	VP555	19/02/2025			
425		1617	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785006	VP556	19/02/2025			
426		1616	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785005	VP557	19/02/2025			
427		1615	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00785004	VP558	19/02/2025			
428		1614	40	125	Đất ở tại đô thị	AA 00785003	VP559	19/02/2025			
429		1682	40	108,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327825	VP361	10/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
430		1681	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327826	VP362	10/02/2025			
431		1680	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327827	VP363	10/02/2025			
432		1679	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327828	VP364	10/02/2025			
433		1678	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327829	VP365	10/02/2025			
434		1677	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327830	VP366	10/02/2025			
435		1676	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327831	VP367	10/02/2025			
436		1675	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327832	VP368	10/02/2025			
437		1674	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327833	VP369	10/02/2025			
438		1673	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327834	VP370	10/02/2025			
439		1672	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327835	VP371	10/02/2025			
440		1671	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327836	VP372	10/02/2025			
441		1670	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327837	VP373	10/02/2025			
442		1669	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327838	VP374	10/02/2025			
443		1668	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327839	VP375	10/02/2025			
444		1667	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327840	VP376	10/02/2025			
445		1666	40	144	Đất ở tại đô thị	AA 00327841	VP377	10/02/2025			
446		1665	40	144	Đất ở tại đô thị	AA 00327842	VP378	10/02/2025			
447		1664	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327843	VP379	10/02/2025			
448		1663	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327844	VP380	10/02/2025			
449		1662	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327845	VP381	10/02/2025			
450		1661	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327846	VP382	10/02/2025			
451		1660	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327847	VP383	10/02/2025			
452		1659	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327848	VP384	10/02/2025			
453		1658	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327849	VP385	10/02/2025			
454		1657	40	95	Đất ở tại đô thị	AA 00327850	VP386	10/02/2025			
455		1656	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327851	VP387	10/02/2025			
456		1655	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327852	VP388	10/02/2025			
457		1654	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327853	VP389	10/02/2025			
458		1653	40	77,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327854	VP390	10/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
459		1652	40	108,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327855	VP391	10/02/2025			
460		1589	40	122	Đất ở tại đô thị	AA 00327856	VP392	10/02/2025			
461		1590	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327857	VP393	10/02/2025			
462		1591	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327858	VP394	10/02/2025			
463		1592	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327859	VP395	10/02/2025			
464		1593	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327860	VP396	10/02/2025			
465		1594	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327861	VP397	10/02/2025			
466		1595	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327862	VP398	10/02/2025			
467		1596	40	100	Đất ở tại đô thị	AA 00327863	VP399	10/02/2025			
468		1597	40	122	Đất ở tại đô thị	AA 00327864	VP400	10/02/2025			
469		1571	40	172,8	Đất ở tại đô thị	AA 00327865	VP402	10/02/2025			
470		1572	40	72,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327866	VP403	10/02/2025			
471		1573	40	72,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327867	VP404	10/02/2025			
472		1574	40	72,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327868	VP405	10/02/2025			
473		1575	40	72,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327869	VP406	10/02/2025			
474		1576	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327870	VP407	10/02/2025			
475		1577	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327871	VP408	10/02/2025			
476		1578	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327872	VP409	10/02/2025			
477		1579	40	145	Đất ở tại đô thị	AA 00327896	VP410	10/02/2025			
478		1570	40	145	Đất ở tại đô thị	AA 00327874	VP411	10/02/2025			
479		1569	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327875	VP412	10/02/2025			
480		1568	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327876	VP413	10/02/2025			
481		1567	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327877	VP414	10/02/2025			
482		1566	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327878	VP415	10/02/2025			
483		1565	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327879	VP416	10/02/2025			
484		1564	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327880	VP417	10/02/2025			
485		1563	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327881	VP418	10/02/2025			
486		1562	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327882	VP419	10/02/2025			
487		1561	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327883	VP420	10/02/2025			

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	TÀI SẢN THẾ CHẤP								THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP	
		THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỐ	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		
									PHƯỜNG		THÀNH PHỐ
488		1560	40	90	Đất ở tại đô thị	AA 00327884	VP421	10/02/2025			
489		1559	40	156	Đất ở tại đô thị	AA 00327885	VP422	10/02/2025			
490		1588	40	112,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327886	VP423	10/02/2025			
491		1587	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00327887	VP424	10/02/2025			
492		1586	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00327888	VP425	10/02/2025			
493		1585	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00327889	VP426	10/02/2025			
494		1584	40	119,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327890	VP427	10/02/2025			
495		1583	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00327891	VP428	10/02/2025			
496		1582	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00327892	VP429	10/02/2025			
497		1581	40	75	Đất ở tại đô thị	AA 00327893	VP430	10/02/2025			
498		1580	40	57,5	Đất ở tại đô thị	AA 00327894	VP431	10/02/2025			
499		1521	40	225,5	Đất ở tại đô thị	DĐ 248984	CT81967	09/05/2022			
500		1524	40	321	Đất ở tại đô thị	DĐ 248966	CT82018	12/05/2022			
501		1501	40	1.500,0	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (trường mẫu giáo)	DE 506406	CT01622	09/05/2022			
502		1502	40	1.238,8	Đất thương mại, dịch vụ	DE 506408	CT82014	09/05/2022			
503		2067	40	11,2	Đất thương mại, dịch vụ	DE 842944	CT82243	14/06/2022			